



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

ĐỊ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH VÀ HOẠT ĐỘNG BÁN TRÚ, NỘI TRÚ
TẠI CÁC TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ
MAU**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ học sinh và hoạt động bán trú, nội trú tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Nghị quyết này không áp dụng cho các đối tượng đã được chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.	Điểm d Khoản 1 Điều 5 và Điểm b Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 quy định: “Được tổ chức bán trú, nội trú phục vụ học sinh khuyết tật nếu đủ điều kiện” và “Học sinh trường giáo dục chuyên biệt, lớp giáo dục chuyên biệt được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người khuyết tật theo quy định”.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Trẻ em, học sinh (gọi chung là học sinh) học tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Các đối tượng thụ hưởng, chịu sự tác động và thực thi khi Nghị quyết được ban hành.
	Điều 3. Hỗ trợ học sinh 1. Tiền ăn. Mức hỗ trợ: 80% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.	1. Bằng với đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	2. Sinh hoạt phí. Mức hỗ trợ: 90.000 đồng/học sinh/tháng. 3. Đồng phục và đồ dùng học tập. Mức hỗ trợ: 1.080.000 đồng/học sinh/năm học. 4. Mức hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các học sinh khuyết tật nhẹ có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường không nằm trong danh sách được công nhận xã, phường an toàn khu chưa được địa phương mua bảo hiểm y tế: 4,5% lương cơ sở/tháng. 5. Mức hỗ trợ khen thưởng trong năm học: 800.000 đồng/học sinh đối với danh hiệu “học sinh Xuất sắc”, 600.000 đồng/học sinh đối với danh hiệu “học sinh Giỏi”, 400.000 đồng/học sinh đối với danh hiệu “học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện”. 6. Kiểm tra thính lực: 750.000 đồng/học sinh/năm học.	BTC. 2. Bảng mức Công văn số 2544/UBND-VX ngày 30/06/2011 vì mức này đơn vị đang thực hiện vẫn phù hợp thực tế. 3. Vận dụng điểm c, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ. 4. Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng được cấp BHYT theo quy định tại Điều 9 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Người khuyết tật nhẹ thì không thuộc trường hợp được cấp BHYT. Do đó, cơ quan soạn thảo dự thảo quy định hỗ trợ BHYT cho các trường hợp này để chia sẻ phần nào gánh nặng về tài chính cho phụ huynh. 5. Vận dụng điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 6. Trường có học sinh khiếm thính nên đây là chi phí thực tế hàng năm của đơn vị.
	Điều 4. Hỗ trợ hoạt động bán trú, nội trú tại trường 1. Hỗ trợ trang cấp đồ dùng ký túc xá (Chăn, màn và các đồ dùng cá nhân khác). Mức hỗ trợ: 1.080.000 đồng/học sinh/năm học. 2. Tổ chức các phong trào, hoạt động đặc thù, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và mua sắm bổ sung dụng cụ, thiết bị phục vụ học sinh. Mức hỗ trợ: 5% tiền ăn học sinh. 3. Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho học sinh, lập tủ thuốc dùng chung, mua thuốc thông thường, đồ dùng y tế. Mức hỗ trợ: 270.000 đồng/học sinh/năm học.	1. Vận dụng điểm c, khoản 3, Điều 6 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025. 2. Vận dụng điểm b, khoản 4, Điều 7 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025. 3. Vận dụng điểm c, khoản 4, Điều 7 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	4. Mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn, nhà bếp. Mức hỗ trợ: 180.000 đồng/học sinh/năm học. 5. Chi tuyển sinh, xét tốt nghiệp; làm thẻ, phù hiệu học sinh. Mức hỗ trợ: 180.000 đồng/học sinh/năm học.	4. Vận dụng điểm đ, khoản 4, Điều 7 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025. 5. Vận dụng điểm g, khoản 4, Điều 7 của Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025.
	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành và được bố trí theo dự toán hàng năm.	Theo phân cấp ngân sách.
	Điều 6. Hiệu lực thi hành . Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ...tháng... năm 2026.	Theo quy định.
	Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Theo quy định. 